

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 166/2022/HNGĐ-ST;*

*Ngày: 30/6/2022;*

*V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phụng.

2. Ông Võ Lâm Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Nơi cư trú ấp AB, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Tăng Thị N, sinh năm 1974; Nơi cư trú ấp AB, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông T trình bày ông và bà Tăng Thị N do quen biết tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 1999, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà Tăng Thị N.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 18/01/2001 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/01/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Tăng Thị N trình bày: năm 1999 bà và ông Nguyễn Văn T do quen biết tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, khi vợ chồng cưới xong về nhà chung sống với cha mẹ chồng, sau đó vợ chồng có nhà riêng, khi bà nội chết vợ chồng được thừa hưởng căn nhà của bà

nội và vợ chồng cùng nuôi con đến năm 2018 ông T bỏ nhà đi theo người khác nên không còn chung sống từ đó đến nay, bà ở nhà nuôi con và thờ cúng ông bà. Nay ông T xin ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 18/01/2001 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/01/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: ông T bà N kết hôn năm 1999 không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2018. Do ông T bà N không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông T bà N là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bị đơn có yêu cầu vắng mặt khi xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*: Ông T và bà N chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông T bà N bất đồng quan điểm thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo ông T trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, theo bà N trình bày vào năm 2018 ông T bỏ nhà đi theo người khác nên không còn chung sống từ đó đến nay. Ông T xin ly hôn bà N đồng ý. Xét thấy ông T bà N không còn chung sống đã lâu hai bên không có thiện chí hàn gắn nên mục đích hôn nhân không đạt được nhưng do ông T bà N không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình không công nhận ông T bà N là vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 18/01/2001 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/01/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về quan hệ nợ chung*: không có.

[6]. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 14; 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị N là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Tăng Thị N có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 18/01/2001 và Nguyễn Nhật Đ, sinh ngày 18/01/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng và nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: không đề cập giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004656 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**